

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                   | Số TC | Sĩ số | Họ và tên             | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp | Tuần học                  |
|-----|--------|-------------------------------|-------|-------|-----------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|---------|---------------------------|
| 1   | 848010 | Giải tích số                  | 4     | 30    | Nguyễn Thị Thanh Lan  | 10904        | 01   |       | 4   | 6       | 3       | C.B103   | DTO1221 | -----678901----           |
| 2   |        |                               | 4     | 30    | Nguyễn Thị Thanh Lan  | 10904        |      |       | 5   | 6       | 3       | C.B106   | DTO1221 | -----678901----           |
| 3   |        |                               | 4     | 30    | Nguyễn Thị Thanh Lan  | 10904        |      |       | 6   | 4       | 2       | C.B106   | DTO1221 | -----678901----           |
| 4   |        |                               | 4     | 30    | Nguyễn Thị Thanh Lan  | 10904        |      |       | 6   | 6       | 2       | C.B106   | DTO1221 | -----678901----           |
| 5   | 848033 | Nhập môn mô hình toán kinh tế | 3     | 45    | Thái Trần Phương Thảo | 11006        | 01   |       | 2   | 8       | 3       | 1.C102   | DTU1231 | ---4567---12345678901---- |
| 6   | 848052 | Kinh tế lượng nâng cao        | 3     | 45    | Lê Thái Sơn           | 10903        | 01   |       | 3   | 1       | 3       | 1.C102   | DTU1231 | ---4567---12345678901---- |
| 7   | 848098 | Thực tập tốt nghiệp (DTU)     | 5     | 40    |                       |              | 01   |       | 2   | 1       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 8   |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 2   | 6       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 9   |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 3   | 1       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 10  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 3   | 6       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 11  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 4   | 1       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 12  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 4   | 6       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 13  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 5   | 1       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 14  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 5   | 6       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 15  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 6   | 1       | 5       | TTSP05   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 16  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 6   | 6       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 17  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 7   | 1       | 5       | TTSP03   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 18  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 7   | 6       | 5       | TTSP34   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 19  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 8   | 1       | 5       | TTSP33   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 20  |        |                               | 5     | 40    |                       |              |      |       | 8   | 6       | 5       | TTSP33   | DTU1221 | ---4567----345-----       |
| 21  | 848303 | Mô hình hóa mô phỏng          | 3     | 40    | Trương Phúc Tuấn Anh  | 10154        | 01   |       | 3   | 6       | 3       | C.E501   | DTU1221 | -----1----                |
| 22  |        |                               | 3     | 40    | Trương Phúc Tuấn Anh  | 10154        |      |       | 3   | 6       | 3       | C.E604   | DTU1221 | -----67890-----           |
| 23  |        |                               | 3     | 40    | Trương Phúc Tuấn Anh  | 10154        |      |       | 4   | 6       | 2       | C.B105   | DTU1221 | -----1----                |
| 24  |        |                               | 3     | 40    | Trương Phúc Tuấn Anh  | 10154        |      |       | 4   | 6       | 3       | C.E601   | DTU1221 | -----67890-----           |

**Thời khóa biểu đăng ký môn học**

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                      | Số TC | Sĩ số | Họ và tên            | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp | Tuần học                  |
|-----|--------|----------------------------------|-------|-------|----------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|---------|---------------------------|
| 25  | 848303 | Mô hình hóa mô phỏng             | 3     | 40    | Trương Phúc Tuấn Anh | 10154        | 01   |       | 6   | 9       | 2       | C.B105   | DTU1221 | -----67890----            |
| 26  | 848309 | Nhập môn toán tài chính          | 4     | 45    | Lương Thị Hồng Cẩm   | 11204        | 01   |       | 6   | 1       | 4       | 1.C102   | DTU1231 | ---4567---12345678901---- |
| 27  | 848311 | Seminar chuyên đề kinh tế 1      | 2     | 45    | Lê Thái Sơn          | 10903        | 01   |       | 5   | 1       | 2       | 1.C302   | DTU1231 | ---4567---12345678901---- |
| 28  | 848402 | Phương trình vi phân và ứng dụng | 3     | 100   | Trương Hoàng Huy     | 10934        | 01   |       | 3   | 1       | 3       | C.C102   | DTU1241 | 1234567-----45-----       |
| 29  |        |                                  | 3     | 100   | Trương Hoàng Huy     | 10934        |      |       | 5   | 4       | 2       | C.C102   | DTU1241 | 1234567-----45-----       |
| 30  | 848403 | Phép biến đổi tích phân          | 4     | 45    | Nguyễn Thị Thanh Lan | 10904        | 01   |       | 2   | 2       | 4       | 1.C102   | DTU1231 | ---4567---12345678901---- |
| 31  | 848410 | Quy hoạch tuyến tính (Toán)      | 3     | 90    | Tạ Quang Sơn         | 11072        | 01   |       | 3   | 1       | 2       | C.E503   | DTU1251 | 1234567-----45-----       |
| 32  |        |                                  | 3     | 90    | Tạ Quang Sơn         | 11072        |      |       | 5   | 8       | 3       | C.B109   | DTU1251 | 1234567-----45-----       |
| 33  | 848509 | Nhập môn toán tài chính          | 3     | 50    | Lương Thị Hồng Cẩm   | 11204        | 01   |       | 4   | 9       | 2       | C.E105   | DTU1241 | 1234567-----45-----       |
| 34  |        |                                  | 3     | 50    | Lương Thị Hồng Cẩm   | 11204        |      |       | 5   | 6       | 3       | C.C101   | DTU1241 | 1234567-----45-----       |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu